BÁO CÁO TÓM TẮT

XÉT XỬ TỘI HIẾP DÂM

Hiểu rõ cách ứng phó của hệ thống tư pháp hình sự đối với bạo lực tình dục ở Thái Lan và Việt Nam

UN WOMEN

UNDP
Empowered lives.
Resilient nations.

UNODC
United Nations Office on Drugs and Crime

United Nations Secretary-General's Campaign UNiTE to END VIOLENCE AGAINST WOMEN ASIA-PACIFIC

Ảnh: UN Women/Krista Seddon

Các quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này là của các tác giả và không nhất thiết đại diện cho các quan điểm của các Cơ quan Liên Hợp Quốc, gồm có Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women), Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP), Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (UNODC) hoặc các nước thành viên Liên Hợp Quốc.

UN Women Là cơ quan LHQ chuyên về Bình đẳng giới và Trao quyền cho phụ nữ. Là cơ quan dẫn đầu trên toàn cầu về công tác phụ nữ và trẻ em gái, UN Women được thành lập để đẩy nhanh tiến bộ nhằm đáp ứng các quyền của phụ nữ và trẻ em gái trên toàn thế giới. UN Women hỗ trợ các nước thành viên LHQ khi các nước này thiết lập các tiêu chuẩn toàn cầu để đạt được bình đẳng giới, và làm việc với chính phủ các nước và xã hội dân sự nhằm thiết kế pháp luật, chính sách, chương trình và các dịch vụ cần thiết để đảm bảo rằng các chuẩn mực được thực thi hiệu quả và thực sự mang lại lợi ích cho phụ nữ và trẻ em gái trên toàn thế giới.

UNDP cộng tác với người dân thuộc mọi tầng lớp trong xã hội để giúp các quốc gia có thể đối phó được với khủng hoảng, thúc đẩy và duy trì tăng trưởng nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho tất cả mọi người. Tại khoảng 170 quốc gia và vùng lãnh thổ, UNDP hoạt động nhằm xóa bỏ đói nghèo và bảo vệ hành tinh của chúng ta. UNDP hỗ trợ các quốc gia xây dựng các chính sách, kỹ năng, quan hệ đối tác và tổ chức mạnh mẽ để các nước có thể duy trì bền vững tiến bộ của mình.

Sứ mệnh của UNODC là góp phần đạt được an ninh và công bằng cho tất cả mọi người thông qua việc làm cho thế giới an toàn hơn không có tội phạm, ma túy và khủng bố. UNODC có nhiệm vụ hỗ trợ các quốc gia ngăn chặn tội ác, bạo lực và tăng cường hệ thống tư pháp của quốc gia đó.

© Bản quyền ©UN Women, UNDP và UNODC ©Tháng 11/2017

Biên soạn tài liệu: Eileen Skinnider, Ruth Montgomery và Stephanie Garrett
Biên tập: Anna-Karin Jatfors, Melissa Alvarado và Ornwipa Rugkhla
Thiết kế: alikecreative.com, Younghwa Choi và Yoomi Jun

Lời tựa

Trên toàn cầu , ở các nước giàu cũng như nước nghèo, cứ ba phụ nữ thì có một phụ nữ bị bạo lực và bị đe dọa bạo lực - làm hạn chế các quyền của trẻ em gái và phụ nữ[1] ở tất cả mọi mặt, cả trong đời sống riêng và công.

Sau nhiều thập kỷ duy trì vận động và hành động trong lĩnh vực cải cách chính sách và pháp luật, phần lớn các nước ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương hiện đều có các luật hình sự hóa bạo lực với phụ nữ, bao gồm bạo lực tình dục. Mặc dù đã đạt được những thành tựu như vậy, nhưng vẫn còn thiếu các biện pháp trừng phạt và chế tài xử phạt về mặt đạo đức của những tội như vậy trong nhiều năm qua. Nghiên cứu của Liên Hợp Quốc đã phỏng vấn hơn 10.000 nam giới ở sáu nước trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương cho thấy tỷ lệ bạo lực tình dục ở các quốc gia này ở mức độ đáng báo động cao từ 10% - 62% trên các địa bàn nghiên cứu[2]. Hơn nữa, phần lớn nam giới thừa nhận hành vi hiếp dâm không phải đối mặt với hậu quả pháp lý và nhiều người thậm chí không cảm thấy có tội. Điều này cho thấy rằng bạo lực như vậy vẫn thường được dung túng và được xem là rất bình thường trong xã hội.

Các quốc gia phải có nghĩa vụ 'hành động tích cực' để ngăn ngừa, điều tra và truy tố các trường hợp bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái dựa theo luật pháp quốc tế. Tuy nhiên, việc thực hiện các cam kết pháp lý thường rất chậm trễ. Thông thường, cơ sở hạ tầng pháp lý - bao gồm cảnh sát, tòa án và cơ quan tư pháp không có biện pháp bảo vệ đầy đủ, bồi thường và công bằng cho phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực. Để hiểu rõ và cuối cùng là xóa bỏ khoảng cách giữa chính sách và thực tiễn, Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women), Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) và Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (UNODC) đã hỗ trợ nghiên cứu so sánh này nhằm ngăn chặn và truy tố bạo lực tình dục ở Châu Á, đặc biệt chú trọng đến Thái Lan và Việt Nam. Chúng tôi xin chân thành cám ơn chính phủ Thái Lan và Việt Nam đã hỗ trợ cho nghiên cứu và cung cấp các dữ liệu hữu ích cho kết quả nghiên cứu trong báo cáo này.

Chúng ta biết rằng trên thế giới các vụ việc bạo lực tình dục được trình báo là rất ít, chỉ là phần nổi của tảng băng chìm; các cuộc điều tra tội phạm ở 57 quốc gia cho thấy trung bình 10% phụ nữ từng bị tấn công tình dục nhưng chỉ có 11% trong số 10% đó báo cáo về trường hợp của mình[3]. Có nhiều nguyên nhân không báo cáo, bao gồm việc người phụ nữ sau khi bị tấn công thường cảm thấy xấu hổ và bị kỳ thị. Sự chú ý thường dồn vào vào cách cư xử của người phụ nữ hơn là hành vi của thủ phạm: những câu hỏi thường được đặt ra về việc người phụ nữ đã ăn mặc như thế nào, đi đâu và đã làm gì để 'kích động' người khác tấn công.

Nạn nhân cũng có thể không trình báo vì lo ngại rằng những người được giao nhiệm vụ thi hành công lý sẽ đối xử với họ một cách thờ ơ, hoặc thậm chí đổ lỗi cho họ vì những lạm dụng mà họ phải chịu đựng. Nghiên cứu này cho thấy những nỗi lo sợ đó là thường trực với tỷ lệ bỏ cuộc xuyên suốt quá trình tư pháp - từ giai đoạn trình báo và điều tra đến truy tố và xét xử - cũng như thái độ thiếu thân thiện của nhiều cán bộ cung cấp dịch vụ tư pháp. Quan trọng hơn, đây là nghiên cứu đầu tiên về vấn đề này ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đưa ra những cách nhìn mới, sâu sắc về việc tại sao tình trạng bỏ cuộc xảy ra và xảy ra ở đâu, và làm thế nào để giảm tỷ lệ bỏ cuộc.

Nhiệm vụ của các điều tra viên là trợ giúp cho nạn nhân tiếp cận đến công lý nhưng thường là họ 'tư vấn' và gây áp lực khiến nạn nhân phải giải quyết vụ việc ngoài phạm vi tòa án, hoặc đối xử với nạn nhân theo cách không quan tâm đến danh dự và sự riêng tư của nạn nhân. Vì vậy nhiều phụ nữ đã từ bỏ việc trình báo và không theo đuổi vụ việc khi các cơ quan này không đáp ứng được nhu cầu của họ. Điều này đã góp phần duy trì văn hóa hòa giải, văn hóa không công nhận các vấn đề của nạn nhân và văn hóa tội phạm không bị trừng phạt. Không bị trừng phạt đồng nghĩa với việc được miễn trừ với bất kỳ hình phạt và trách nhiệm giải trình nào - điều này đã tiếp sức cho các hành vi bạo lực đối với phụ nữ và làm giảm tác động của việc vận động tuyên truyền và những thành tựu chính sách đã rất khó khăn để đạt được.

Tuy nhiên, chúng ta biết là cần phải làm gì. Những báo cáo về vi phạm phải được các cán bộ nhà nước trong cơ quan tư pháp tiếp nhận, những cán bộ này phải được đào tạo và hiểu rõ nghĩa vụ của họ.

1. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) (2013) Ước tính bạo lực đối với phụ nữ trên toàn cầu và trong khu vực: tỷ lệ và các hậu quả về sức khỏe của bạo lực bạn tình và bạo lực tình dục không phải do bạn tình gây ra, tr.2. http://apps.who.int/iris/bitstream/10665/85239/1/9789241564625_eng.pdf
2. UNDP, UNFPA, UN Women, UNV (2013) Tại sao một số nam giới lại sử dụng bạo lực đối với phụ nữ và làm thế nào để ngăn chặn việc này? Các phát hiện định lượng từ Liên Hợp Quốc, www.partners4prevention.org/sites/default/files/resources/p4p-report.pdf
3. UN Women (2011) Báo cáo Tiến bộ của phụ nữ trên thế giới: Trong việc theo đuổi công lý. New York.

Ngành tư pháp phải có cơ chế giám sát hiệu quả hoạt động thông qua việc thu nhập và phân tích nghiêm ngặt cách xử lý các vụ việc được báo cáo. Chúng ta cần phải đảm bảo rằng nạn nhân và những người từng trải qua bạo lực đều nhận được các dịch vụ hỗ trợ, bồi thường và công lý. Và trên hết, chúng ta phải thách thức và thay đổi những định kiến xã hội và các giá trị văn hóa đã cho phép bạo lực tiếp tục tồn tại. Để đạt được mục tiêu đó, rất may là khuôn khổ phát triển hiện nay được toàn cầu nhất trí cho tới 2030 bao gồm mục tiêu bình đẳng giới mạnh mẽ và có sự chuyển biến với các mục tiêu rõ ràng và có tham vọng về việc chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ.

Tất cả phụ nữ và trẻ em gái đã trải qua bạo lực đều có quyền tin tưởng hệ thống tư pháp hình sự là không định kiến và không phân biệt đối xử về giới, đối xử với nạn nhân với sự tôn trọng, coi trọng danh dự và đưa ra lý lẽ công bằng không bị ảnh hưởng bởi định kiến xã hội lạc hậu và quan điểm lỗi thời về vai trò của đàn ông và phụ nữ. Việc đảm bảo hệ thống tư pháp hoạt động tốt không những là điều kiện tiên quyết để đảm bảo bình đẳng giới và tăng quyền năng cho phụ nữ mà còn là yếu tố cần thiết đối với nhà nước pháp quyền và duy trì xã hội hòa bình và thịnh vượng.

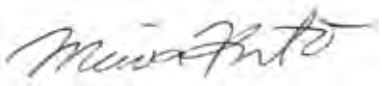

Miwa Kato

Giám đốc khu vực
Văn phòng UN Women
khu vực Châu Á – Thái Bình Dương

Valerie Cliff

Phó Giám đốc
khu vực Châu Á – Thái Bình Dương
Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc

Jeremy Douglas

Đại diện khu vực,
Cơ quan Phòng chống Ma túy
và Tội phạm của Liên Hợp Quốc

Lời cảm ơn

Báo cáo này phản ánh nỗ lực hợp tác của tất cả các đối tác tham gia nghiên cứu ở cả cấp khu vực và cấp quốc gia.

Chúng tôi xin cảm ơn các đối tác nghiên cứu quốc gia bao gồm Viện Tư pháp Thái Lan và Bộ Tư Pháp Việt Nam vì nếu không có họ, chúng tôi đã không thể thực hiện được nghiên cứu này.

Chúng tôi vô cùng cảm ơn sự hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật của các điều phối viên khu vực và các đồng nghiệp trong các cơ quan Liên Hợp Quốc mà tham gia vào báo cáo này – họ là những người đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện nghiên cứu so sánh và đưa ra báo cáo này.

Cuối cùng, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các quốc gia tham gia vào báo cáo này, đã thực hiện bước đi quan trọng trong việc kiểm tra xem hệ thống tư pháp hình sự của quốc gia mình ứng phó như thế nào với các trường hợp bị hiếp dâm để tìm ra phương pháp giúp tăng cường sự tiếp cận pháp lý cho phụ nữ và chấm dứt tình trạng tha bổng cho mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái.

Nghiên cứu này được đồng tài trợ và thực hiện bởi UN Women, UNDP và UNODC. Đây là một đóng góp liên cơ quan cho chương trình UNiTE Chiến dịch Chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ của Tổng thư ký Liên Hợp Quốc.

Tổng quan

Nghiên cứu này là nghiên cứu so sánh đầu tiên về tình trạng bỏ cuộc trong số các trường hợp trình báo về bạo lực tình dục tại Châu Á, và cũng là nghiên cứu về tình trạng bỏ cuộc đầu tiên tại Thái Lan và Việt Nam. Nghiên cứu cũng nhằm giúp hiểu rõ hơn về hành pháp và khởi tố bạo lực tình dục và tác động của hệ thống tư pháp hình sự trong xử lý các vụ án lên phụ nữ, những người bị hiếp dâm và tấn công tình dục.

Cụ thể, nghiên cứu này muốn phân tích cách thức các hệ thống tư pháp hình sự tại Thái Lan và Việt Nam ứng phó với những trường hợp hiếp dâm và tấn công tình dục như thế nào, và xác định những yếu tố thể chế chính đi đôi với việc xử lý các vụ án tại những nước này. Để thực hiện được điều này, nghiên cứu có mục tiêu tìm hiểu thực trạng từ bỏ các vụ án về bạo lực tình dục xảy ra ở đâu và như thế nào[4] cũng như xác định các điểm đầu vào chiến lược nhằm đẩy mạnh công tác điều hành tư pháp trong lĩnh vực này.

Phương pháp và phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu này kết hợp việc lập sơ đồ quy trình pháp lý về bạo lực tình dục và trình tự tố tụng ở mỗi quốc gia, rà soát định lượng gồm tối thiểu 120 hồ sơ vụ việc của cảnh sát và/hoặc của tòa án ở cả hai quốc gia, các cuộc phỏng vấn định tính và thảo luận nhóm chuyên đề được nhóm nghiên cứu quốc gia thực hiện với tổng số 213 người tham gia chính, gồm cán bộ nhà nước, cán bộ tư pháp hình sự, các nhóm xã hội dân sự và các cá nhân thực hiện, tham gia hỗ trợ dịch vụ y tế, pháp y.

Nghiên cứu không nhằm mục đích cung cấp các số liệu đại diện mang tính quốc gia để đo lường hoặc so sánh tỷ lệ bỏ cuộc chung. Mà là, nghiên cứu tìm cách xác định các nhân tố chính có thể ảnh hưởng đến tình hình bỏ cuộc để hiểu rõ làm thế nào giảm được tình trạng đó.

Nghiên cứu này chỉ tập trung vào nạn nhân nữ[5] bị hiếp dâm và bị tấn công tình dục, bao gồm cả có toan tính hiếp dâm và tấn công tình dục, tìm kiếm công lý thông qua hệ thống tư pháp hình sự chính thức. Vì vậy, nghiên cứu không bao gồm các trường hợp không được trình báo hoặc các vụ việc được xử lý thông qua các cơ chế tư pháp không chính thức.

Bảng 1. Những điểm nổi bật của nghiên cứu

Công tác thu thập số liệu cho nghiên cứu này đã được hoàn thiện từ năm 2013 tới 2014

	Thái Lan	Việt Nam
Địa bàn nghiên cứu	Bangkok (trung tâm, dân số: 5,69 triệu) Chiang Mai (phía Bắc, dân số: 5,69 triệu) Songkhla (phía Nam, dân số: 1,39 triệu)	Hà Nội (phía Bắc, dân số: 7,1 triệu) Đắk Lắk (phía Nam, dân số: 1,69 triệu)
Hồ sơ và thống kê quốc gia	Phần lớn các số liệu sẵn có là số liệu trên toàn quốc hoặc ở Bangkok. Các cơ quan nghiên cứu của nhóm nghiên cứu ở Chiang Mai đã tạo điều kiện thuận lợi để nhóm có thể tiếp cận người tham gia chính ở địa bàn nghiên cứu.	Có số liệu thống kê quốc gia của ngành công an và thống kê của tòa án nhưng lại không bao gồm số liệu về tất cả các hành vi bạo lực tình dục.
Số người tham gia phỏng vấn/thảo luận nhóm chuyên đề	9 viên chức chính phủ[6] 34 cán bộ tư pháp hình sự[7] 34 nhà cung cấp dịch vụ[8] 6 nạn nhân **Tổng số: 83 người**	12 viên chức chính phủ[9] 73 cán bộ tư pháp hình sự[10] 45 nhà cung cấp dịch vụ[11] **Tổng số: 130 người**
Hồ sơ vụ việc	169 hồ sơ vụ án của cảnh sát từ Bangkok, Chiang Mai và Songkhla. • Các nhóm nghiên cứu dựa vào các đầu mối liên hệ với cơ quan cảnh sát để đảm bảo các mẫu có liên quan đến vụ việc trong hồ sơ của cảnh sát. • Không được phép tiếp cận hồ sơ của tòa án và hồ sơ truy tố. • Hệ thống không cho phép theo dõi vụ án của cảnh sát khi lên đến cấp toà án.	121 hồ sơ vụ án của cơ quan công an, viện kiểm sát và tòa án cấp quận/huyện tại Hà Nội và Đắk Lắk • Do các cơ sở tư pháp hình sự tự chọn. • Không tiếp cận được hồ sơ của công an cấp phường, xã tại tất cả các quận/huyện tham gia nghiên cứu.

4. Tình trạng bỏ cuộc là quá trình mà các vụ việc không tiến tới tố tụng thông qua hệ thống tư pháp; những trường hợp mà bị ngừng lại và do do không tiến tới xét xử và/hoặc dẫn tới kết tội. (Định nghĩa của Lovett và Kelly (2009) Các hệ thống khác nhau, kết quả tương tự nhau? Theo dõi tình trạng bỏ cuộc trong những trường hợp hiếp dâm có trình báo ở Châu Âu. Đơn vị Nghiên cứu về xâm hại trẻ em và phụ nữ, Trường ĐH Metropolitan London.)
5. Nạn nhân được sử dụng trong báo cáo này, bất kể kết quả của vụ án, bao gồm những người thưa kiện. Nạn nhân có nghĩa là người theo trình báo là nạn nhân của vụ vi phạm tình dục, bao gồm những vụ án mà sau này được cho là không vi phạm hoặc buộc tội sai. Thuật ngữ nạn nhân được sử dụng vì đây là thuật ngữ phổ biến phục vụ cho công tác phân tích số liệu tư pháp hình sự và không nhằm mục đích phủ nhận những thuật ngữ như 'survivor' (người từng trải qua bạo lực)
6. 6 cuộc phỏng vấn cá nhân và 1 cuộc thảo luận nhóm chuyên đề (FGD).
7. 19 cuộc phỏng vấn cá nhân và 2 thảo luận nhóm chuyên đề.
8. 24 cuộc phỏng vấn cá nhân và 1 thảo luận nhóm chuyên đề.
9. 2 cuộc phỏng vấn cá nhân và 2 cuộc thảo luận nhóm chuyên đề.
10. 29 cuộc phỏng vấn cá nhân và 20 thảo luận nhóm chuyên đề.
11. 8 cuộc phỏng vấn cá nhân và 6 thảo luận nhóm chuyên đề.

Phát hiện của nghiên cứu

Nghiên cứu cho thấy những phụ nữ trình báo các vụ việc về hiếp dâm tại Thái Lan và Việt Nam thường gặp phải những rào cản trong việc tiếp cận công lý, đó là những chính sách và thông lệ xã hội, pháp luật và thể chế quan trọng.

Những rào cản này, có thể gây cản trở cho việc trình báo về bạo lực tình dục và giảm khả năng mà phụ nữ theo đuổi tìm kiếm sự đền bù thông qua hệ thống tư pháp hình sự.

Ở cả hai nước, khả năng dễ bị tổn thương của phụ nữ và trẻ em gái đối với bạo lực tình dục gắn với và được hậu thuẫn bởi những giá trị, hình mẫu và thông lệ văn hóa, xã hội mang tính phân biệt đối xử.

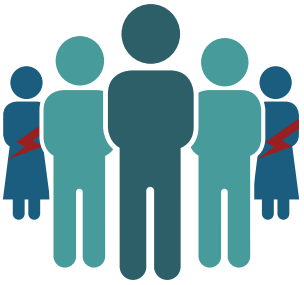

Công an, công tố viên và thẩm phán cũng không tránh khỏi định kiến và khuôn mẫu, điều này thể hiện qua thái độ của họ đối với các hành vi vi phạm, đối với nạn nhân và kẻ được cho là thủ phạm. Những thái độ này có thể hướng họ tới việc áp dụng luật trong thực tiễn, cách họ xử lý vụ việc nhanh như thế nào cũng như cách họ thể hiện là cán bộ mẫn cán ra sao. Nghiên cứu này cho thấy một số cán bộ làm công tác tư pháp hình sự thực hiện trách nhiệm của mình chưa thực sự có hệ thống trong xử lý vụ việc theo cách dựa trên quyền và lấy nạn nhân làm trung tâm.

Nhiều phụ nữ thiếu hiểu biết và có ít khả năng tiếp cận thông tin về quyền của họ và về những gì họ có thể và cần mong đợi khi họ đi qua các hệ thống tư pháp hình sự và quy trình tố tụng phức tạp.

Các biện pháp bảo vệ nạn nhân bị bạo lực tình dục có thể chưa đầy đủ do trong các chương trình bảo vệ nạn nhân và nhân chứng bị hạn chế, trao đổi thông tin giữa cán bộ tư pháp và nạn nhân phần lớn bị ngưng lại ngay sau khi trình báo đầu tiên được thực hiện. Một khi các dịch vụ hỗ trợ bị hạn chế, nạn nhân và gia đình của họ có thể lựa chọn bỏ qua việc xem xét trường hợp của họ để kết thúc luôn vụ việc.

Ở cả hai nước, tình hình bỏ cuộc ở giai đoạn tiếp xúc ban đầu và giai đoạn trình báo là rất cao.

Nhiều nạn nhân bị bỏ rơi và bị thúc giục hòa giải hoặc các hình thức giải quyết khác bên ngoài hệ thống tư pháp hình sự chính thức. Nạn nhân thường được yêu cầu kể lại câu chuyện của mình nhiều lần và bị đối xử thiếu tôn trọng và thiếu tế nhị. Công an có thể không lập biên bản vụ việc hoặc lập biên bản vụ việc nhưng không tiến hành điều tra, điều tra không đầy đủ hoặc trì hoãn điều tra.

Thủ tục tố tụng của tòa án có thể rất lâu và kéo dài, và thường tập trung vào chứng cứ vật chất hoặc chứng cứ pháp y, hay dựa vào độ tin cậy đối với nạn nhân chứ không phải độ tin cậy của vụ việc hoặc yếu tố không có sự đồng thuận của nạn nhân

Việc trì hoãn quá lâu làm cho nhiều nạn nhân phải trải qua các thủ tục hành chính về tư pháp, chậm trễ ngay từ lúc bắt đầu đến hoàn tất các thủ tục điều tra của công an và tiếp tục chậm trễ tới trì hoãn ngày xét xử. Tính cách, hành vi hoặc cách ăn mặc của nạn nhân thường bị để ý. Sự chuẩn bị hoặc hỗ trợ của tòa án đối với nạn nhân rất ít. Trong nhiều trường hợp, bị cáo còn được tuyên bố trắng án.

Có rất ít, nếu có, các cơ sở vật chất thân thiện với phụ nữ hoặc nạn nhân ở đồn công an, bệnh viện, cơ sở y tế, ở tòa án hay nơi thực hiện giám định pháp y.

Mặc dù điều tra về các vụ việc bạo lực tình dục là phức tạp và đầy thách thức, nhưng lại không có các đơn vị điều tra chuyên biệt nào, cán bộ tiếp nhận và điều tra viên được đào tạo rất sơ sài hoặc không được đào tạo chuyên biệt và phát triển chuyên môn. Số lượng nữ công an và nữ điều tra viên rất ít.

Cơ chế thu thập và phân tích số liệu còn hạn chế.

Điều này thể hiện trong việc hồ sơ dữ liệu hành chính của bên công an hoặc tòa án không đầy đủ hoặc chưa hoàn chỉnh. Đó là sự tách biệt đặc điểm nhân khẩu học của nạn nhân và thủ phạm còn hạn chế; việc lưu giữ hồ sơ rất yếu kém liên quan đến thời gian xảy ra vụ việc và kết quả điều tra, truy tố của bên hành pháp. Ngoài ra, công tác giám sát và đánh giá các chương trình và biện pháp ứng phó vẫn còn hạn chế, làm cho hệ thống tư pháp không có cơ sở bằng chứng để xây dựng chiến lược, chính sách và thực tiễn nhằm cải thiện dịch vụ của mình.

Mạng lưới chuyển tuyến và cơ chế điều phối trong hệ thống tư pháp, giữa chính phủ, các cơ quan tư pháp và các nhà cung cấp dịch vụ xã hội dân sự còn hạn chế thường dẫn đến dịch vụ lỏng lẻo, không nhất quán.

Các hệ thống dữ liệu giữa các bộ phận khác nhau trong hệ thống tư pháp hình sự không nhất quán với nhau và thậm chí các bộ phận này còn sử dụng các định nghĩa, thuật ngữ hoặc số hồ sơ vụ án khác nhau. Điều đó làm cản trở quá trình hợp tác hiệu quả và làm tăng nguy cơ mất thông tin.

Những chính sách và kinh nghiệm thực tiễn hay và đầy hứa hẹn đã được đưa vào áp dụng tại cả hai nước.

Những chính sách và kinh nghiệm thực tế này bao gồm từ các luật pháp đầy hứa hẹn đến việc nâng cao ý chí chính trị và cam kết phân bổ ngân sách cho các dịch vụ hỗ trợ có điều phối, tới việc thành lập các trung tâm một cửa giải quyết khủng hoảng, và xây dựng các quy trình tố tụng có trách nhiệm giới. Tuy nhiên, việc thực hiện và trách nhiệm giải trình còn hạn chế đối với việc hành động và không hành động, nghĩa là khả năng thực hành toàn diện vẫn chưa được thực hiện.

Bảng 2. Các thông lệ đầy hứa hẹn

Thái Lan	Việt Nam
• Rà soát Bộ luật Hình sự • Thiết lập và mở rộng các Trung tâm một cửa • Các nhóm liên ngành ứng phó với các vụ án bạo lực tình dục • Chiến dịch gần đây của Cảnh sát Hoàng gia Thái Lan tuyển dụng thêm nữ cảnh sát • Thiết lập các không gian tòa án lấy nạn nhân làm trung tâm • Cảnh sát Hoàng gia Thái Lan, các công tố viên và nhân sự tòa án tiếp tục được đào tạo trong chương trình hợp tác với UN Women	• Sửa đổi Bộ luật Hình sự và Tố tụng hình sự • Những Bộ luật sửa đổi tạo cơ hội mở rộng các tội về bạo lực tình dục và đưa vào áp dụng các thủ tục tố tụng hình sự có nhạy cảm giới và các nguyên tắc dựa trên bằng chứng • Đưa vào áp dụng quyền tư vấn pháp luật đại diện nạn nhân trong tố tụng hình sự • Xây dựng giáo trình tập huấn dành cho các công tố viên và công an về ứng phó với bạo lực gia đình và các nguyên tắc hành pháp có trách nhiệm giới

Hiểu về những rào cản trong tiếp cận công lý và tình trạng bỏ cuộc của các vụ việc bạo lực tình dục

Những yếu tố xã hội tác động tới khả năng tiếp cận công lý và gây ảnh hưởng tới tình trạng bỏ cuộc

Nghiên cứu cho thấy những khuôn mẫu về giới liên quan tới địa vị của phụ nữ và trẻ em gái, cũng như những câu chuyện không cơ sở và quan niệm sai lầm về bạo lực tình dục tồn tại ở cả hai quốc gia.

Những quan niệm xã hội này có thể được phản ánh trong các cộng đồng nói chung, qua cách hành xử của cán bộ tư pháp hình sự, và đôi khi, bởi chính những người đã trải qua bạo lực tình dục.

Quan niệm không đúng: 'Hiếp dâm thực sự' do người lạ gây ra, có sử dụng vũ lực, và có thương tích cơ thể và xảy ra ở nơi công cộng

Trong khi quan niệm này rất phổ biến thì những phát hiện từ việc rà soát hồ sơ vụ án cho thấy rằng lầm tưởng này không phản ánh bản chất của nhiều vụ bạo lực tình dục.

Trong đa số các trường hợp, nạn nhân và nghi phạm quen biết nhau. Điều này cho thấy việc phát hiện nghi phạm không phải là vấn đề trong đa số các trường hợp; tuy nhiên, cần thiết phải có những dịch vụ bảo vệ, an toàn và hỗ trợ cho nạn nhân.

Thái Lan

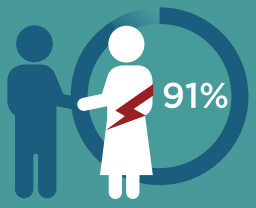

91% nạn nhân cho biết có quen biết nghi phạm

Việt Nam

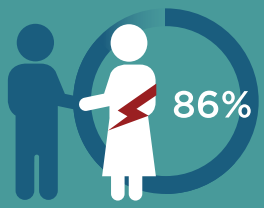

86% nạn nhân cho biết có quen biết nghi phạm

Đa số các vụ việc không được lưu hồ sơ hoặc tài liệu hóa ghi nhận về thương tích về thể chất. Tuy nhiên, nhiều cán bộ thấy rằng họ không tiến hành vụ việc nếu không có bằng chứng pháp y hoặc lời khai của các nhân chứng khác. Lập luận này phản ánh khuôn mẫu giới vẫn còn tồn tại là cần có hình thức làm chứng thực nào đó cho đơn trình báo của người phụ nữ về tấn công tình dục.

Thái Lan

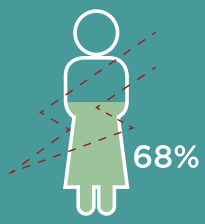

68% nạn nhân không có dấu hiệu bị tổn thương rõ rệt nào

Việt Nam

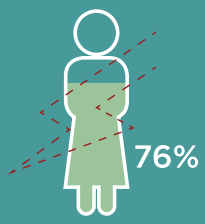

76% nạn nhân không có dấu hiệu bị tổn thương rõ rệt nào

Đa số những vụ hiếp dâm và tấn công tình dục xảy ra tại những nơi riêng tư: thường xuyên nhất trong nhà của nạn nhân và/hoặc nghi phạm, sau đó là nhà của người khác hoặc phòng khách sạn.

Địa điểm tấn công phổ biến nhất là ở nơi riêng tư – thường xuyên nhất là ở nhà của nạn nhân và/hoặc nghi phạm, kế đến là ở nhà người khác hoặc phòng khách sạn

Quan niệm không đúng: Hiếp dâm và bạo lực tình dục chỉ là vấn đề khi nó xảy ra với những phụ nữ và trẻ em gái 'ngoan' hoặc 'trong trắng'

Các phát hiện của nghiên cứu cho thấy một số cán bộ làm công tác tư pháp ở cả hai nước có quan niệm như vậy.

"...Hiếp dâm một trinh nữ thì tệ hơn là hiếp dâm một người không còn trinh."

- một nam cảnh sát -

"...Tại thời điểm trình báo, đôi khi rất khó để phân biệt đâu là 'ca ve' (gái mại dâm) với một phụ nữ đứng đắn. Điều tra viên phải quan sát người trình báo rất kỹ. Trong trường hợp phụ nữ đứng đắn trình báo thì người đó nhìn chung thường tỏ ra bối rối và nhút nhát trong suốt quá trình. Chỉ cần nhìn cách đối tượng ăn mặc thì cũng có thể đoán được họ làm nghề gì. Nếu thái độ của đối tượng khi trả lời câu hỏi về các vấn đề tình dục là khá cởi mở, thông qua cách nói chuyện của họ, thì cần cân nhắc lại vụ việc. Bởi vì mặc dù vụ việc mà một người làm nghề mại dâm trình báo có thể là một vụ hiếp dâm nhưng cũng có thể là lời cáo buộc sai lệch với nhưng gì xảy ra trên thực tế."

- một nam cảnh sát -

"...Câu hỏi đầu tiên mà họ hỏi tôi là 'Sao cô không chấp nhận đền bù của anh ta (can phạm)? Cô có con cái rồi, sao cô còn đòi hỏi nhiều thế?' Tôi nghĩ đó là một sự xúc phạm. Tôi là người bị hãm hiếp và tôi lại là người phải hiểu và thỏa hiệp ư?"

- nữ nạn nhân bị hiếp dâm -

Quan niệm không đúng: Một số phụ nữ đáng bị hiếp dâm và tấn công tình dục; Đó là lỗi của họ

Quan niệm không đúng này cho rằng nạn nhân bạo lực tình dục 'khêu gợi' (ví dụ quần áo hở hang kích động nam giới gây bạo lực tình dục), 'muốn điều đó', hoặc tự đặt mình vào hoàn cảnh nguy hiểm (ví dụ bán dâm hoặc bị chuốc say). Ở cả hai quốc gia, nghiên cứu cho thấy phụ nữ thường bị đổ lỗi khi bị bạo lực tình dục vì những lý do khác nhau, từ việc họ làm gái mại dâm, đến ăn mặc khiêu khích, đi chơi khuya với đàn ông, hoặc thậm chí chỉ là đi xe buýt một mình vào ban đêm.

"...Con gái mà say rượu hoặc ăn mặc hở hang quá thì có thể là nguyên nhân của hành vi phạm tội."

- nam kiểm sát viên -

"...Tôi biết trông tôi có thể không đứng đắn, nghiêm túc như các cô gái Thái khác ở độ tuổi của tôi. Tôi dùng son đỏ và có tính cách hoang dại. Mọi người nghĩ tôi là một cô gái hoang dại. Nhưng điều đó không có nghĩa là tôi xứng đáng bị hiếp dâm. Tôi không bảo những người đàn ông đó hãm hiếp tôi. Tôi cầu xin họ đừng làm điều đó."

- nữ nạn nhân bị hiếp dâm -

"...Cháu bị hiếp dâm chính vì cách ăn mặc của cháu, nếu không phải người này thì cháu cũng sẽ bị người khác lạm dụng."

- nữ nhân viên công tác xã hội thuật lại lời của một công an thụ lý một vụ hiếp dâm nạn nhân 12 tuổi -

"...Tôi thường tự đổ lỗi cho bản thân về việc đã xảy ra với mình. Tôi thường đi tiệc tùng khuya, tôi quá dễ tin người. Tôi mặc quần áo hở hang. Tôi có thể nói gì để bào chữa cho mình? Tôi bị hiếp dâm. Đó một phần là lỗi của tôi."

- nữ nạn nhân hiếp dâm -

"Tôi đã rất xấu hổ và sợ hãi. Lúc ấy, tôi cảm thấy thật ngu ngốc khi tin tưởng người đó. Tôi không dám nói cho ai biết. Tôi chỉ muốn tự tử."

- nữ nạn nhân hiếp dâm -

Quan điểm không đúng: Bạo lực tình dục chỉ xảy ra ở một số bộ phận trong xã hội

Nghiên cứu cho biết những quan niệm không đúng này được phản ánh trong quan niệm của một số cán bộ làm công tác tư pháp hình sự tham gia phỏng vấn

"...Hiếp dâm là điều chỉ xảy ra với người 'ở tầng lớp thấp', không được học hành hoặc người di cư."

- nữ cán bộ tư pháp -

"...Người ta thường cho rằng những người đàn ông sống ở những nơi yên bình, hạnh phúc hoặc những người có giáo dục thì sẽ không có những hành vi 'quá đáng' như hiếp dâm. Quan điểm này này càng củng cố giả định cho rằng hiếp dâm và các tội danh liên quan đến tình dục khác phổ biến ở người nghèo, ít học và cho phép 'người bình thường' tự mình tránh được một cách an toàn khỏi những vụ việc 'tồi tệ' này."

- nữ học giả -

Quan niệm không đúng: Chồng không thể hiếp dâm hoặc tấn công tình dục vợ

Trong khi tại Thái Lan và Việt Nam, hiếp dâm trong hôn nhân được coi là tội ác thì nghiên cứu phát hiện rằng những thái độ này phổ biến trong xã hội xã hội cho thấy tại sao hiếp dâm trong hôn nhân thường không được báo công an.

- Các quy phạm xã hội Thái Lan coi bạo lực gia đình là vấn đề nội bộ gia đình, không phải để chia sẻ hoặc để người ngoài can thiệp. Điều này khiến phụ nữ Thái im lặng. Những phụ nữ bị chồng bạo hành thường bị đổ lỗi vì cư xử không đúng mực.[12]
- Ở Việt Nam – nơi mà không có vụ việc hiếp dâm trong hôn nhân nào được trình báo để đưa vào nghiên cứu và không có cán bộ tư pháp nào được phỏng vấn đã từng giải quyết hoặc thậm chí nghe nói về một vụ việc như vậy được thụ lý trong hệ thống tư pháp hình sự – có quan niệm phổ biến rằng đồng ý kết hôn cũng có nghĩa là đồng ý quan hệ tình dục đến chừng nào mà hôn nhân vẫn có hiệu lực, quyền tình dục này không thể bị rút lại.

"...Công an và Hội Liên hiệp Phụ nữ không tin rằng hiếp dâm có thể xảy ra trong hôn nhân, do đó, họ cố gắng giải quyết vấn đề thông qua hòa giải"

Quan niệm không đúng: Một nạn nhân sẽ trình báo hết ngay khi họ có cơ hội đầu tiên

Cảnh sát thường có quan điểm cụ thể về việc một nạn nhân bị hiếp dâm nên cư xử như thế nào, và nếu nạn nhân không cử xử theo cách mà họ được kỳ vọng thì vụ việc của họ sẽ ít có khả năng tiến triển với lý do không có bằng chứng đáng tin. Nhiều cảnh sát được phỏng vấn thể hiện sự nghi ngờ về việc trình báo muộn.

- Đa số các cán bộ tư pháp hình sự được phỏng vấn đều cho biết là dựa vào việc khám âm đạo và phát hiện tinh dịch, và những thách thức trong những vụ việc liên quan tới những nạn nhân nữ đã thành thục về tình dục và những nạn nhân trình báo muộn, hoặc làm hỏng bằng chứng pháp y bằng cách tắm rửa sau khi bị hiếp dâm.
- Nạn nhân là những người nhỏ tuổi thường rất lâu sau mới kể lại với gia đình về vụ việc
- Gia đình thường trình báo rất muộn với cảnh sát bởi sự nhạy cảm của vấn đề và tâm lý hoảng loạn của nạn nhân nhỏ tuổi

"...Vụ việc thường không được trình báo ngay, mà thường sau một hoặc hai ngày, một tuần, hoặc thậm chí cả tháng sau khi vụ việc xảy ra, do đó rất khó thu thập bằng chứng vật chất như tinh dịch, bao cao su, vết cào cấu, v.v. Thậm chí nạn nhân cũng cảm thấy những hành động đó ghê tởm đến mức họ thường tắm rửa kỹ ngay sau khi sự việc xảy ra."

- nam điều tra viên -

12. Tình trạng bỏ cuộc là quá trình mà các vụ việc không tiến tới tố tụng thông qua hệ thống tư pháp; những trường hợp mà bị ngừng lại và do do không tiến tới xét xử và/hoặc dẫn tới kết tội. (Định nghĩa của Lovett và Kelly (2009) Các hệ thống khác nhau, kết quả tương tự nhau? Theo dõi tình trạng bỏ cuộc trong những trường hợp hiếp dâm có trình báo ở Châu Âu. Đơn vị Nghiên cứu về xâm hại trẻ em và phụ nữ, Trường ĐH Metropolitan London.)

Những yếu tố pháp luật và thể chế ảnh hưởng tới tình trạng bỏ cuộc

Nghiên cứu này cũng đã xác định một số những yếu tố pháp luật và thể chế có thể góp phần tạo tình trạng bỏ cuộc. Dưới đây là sự lựa chọn một số những "báo động bỏ cuộc". Độc giả có thể tham khảo báo cáo đầy đủ để tìm xem phân tích những phát hiện này, và để hiểu được tất cả các yếu tố đó.

CẢNH BÁO NGUY CƠ BỎ CUỘC

Các dịch vụ hiệu quả dành cho nạn nhân bị bạo lực tình dục còn phụ thuộc vào nhiều nhà cung cấp dịch vụ liên quan tới bạo lực tình dục khác nhau phối hợp làm việc với nhau như thế nào để đáp ứng nhu cầu của nạn nhân. Việc thiếu những cơ cấu hỗ trợ về xã hội và thể chế như vậy có thể hạn chế việc trình báo.

Khả năng bị cáo có thể thoát trách nhiệm hình sự đối với việc hiếp dâm hoặc tấn công tình dục bằng cách kháng cáo rằng bị cáo đã nhầm lẫn là có sự đồng thuận.

Yêu cầu về thời hạn mà nạn nhân có thể trình báo một vụ việc bạo lực tình dục, có nghĩa là khi nạn nhân trình báo cảnh sát sau thời hạn quy định thì vụ việc có thể tiếp tục các thủ tục tố tụng tiếp theo.

Nếu việc tiếp cận cảnh sát là khó khăn, đòi hỏi nhiều về thời gian, chi phí tốn kém mà việc tiếp nhận và hỗ trợ không tốt thì các nạn nhân sẽ không trình báo hoặc không tiếp tục tìm kiếm công lý thông qua hệ thống tư pháp hình sự.

Từ phân tích hồ sơ vụ án, nghiên cứu này cũng cho thấy 2 ví dụ về 1 nạn nhân đã phải đến đồn cảnh sát hơn 10 lần thì hồ sơ mới được giải quyết...

Trong suốt quá trình này, cô cho biết, cảnh sát đã cố gắng hòa giải và giải quyết vụ việc trái với ý muốn của cô. Họ bảo cô nên chấp nhận tiền đền bù và từ bỏ vụ việc vì "cuối cùng thì anh ta (can phạm) cũng là cha của con cô."

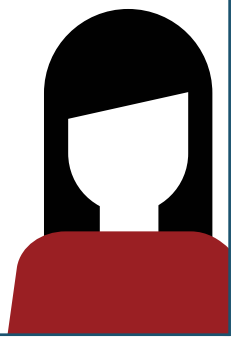

"...Việc nạn nhân mất thời gian để quyết định có kể vụ việc với một ai khác hay không là tự nhiên và dễ hiểu, nữa là trình báo công an. Họ thấy bản thân nhơ nhuốc và trở thành đồ bỏ đi vì những gì đã xảy ra. Những người làm trong nghề như chúng tôi thì hiểu, cảnh sát cũng hiểu, nhưng luật không hiểu."

- nữ nhân viên của một tổ chức phi chính phủ -

Định nghĩa hoặc các diễn giải hẹp về những hành vi bị cấm không thể hiện được đầy đủ những trải nghiệm về hiếp dâm và tấn công tình dục và có khả năng nhiều nạn nhân bạo lực tình dục không thể tiếp tục vụ việc của mình vì trải nghiệm của họ có thể không phù hợp với định nghĩa của luật. Các định nghĩa hẹp cho thấy tư duy pháp lý truyền thống về bản chất của hiếp dâm, cho rằng việc giao cấu qua âm đạo bằng dương vật có khả năng gây ra sự đau đớn về thể chất và tâm lý lớn hơn so với các hình thức giao cấu cơ thể khác.

Các định nghĩa về hiếp dâm dựa trên cơ sở có sử dụng vũ lực thường dẫn đến kết quả là tội danh bị phụ thuộc vào bằng chứng thương tích trên cơ thể của nữ nạn nhân.

Các cơ quan cung cấp dịch vụ cần có cơ cấu tổ chức, sắp xếp khối lượng công việc và nguồn lực phù hợp để có được những biện pháp ứng phó thích hợp, lấy nạn nhân bị bạo lực tình dục làm trung tâm, hoặc có các yêu cầu dịch vụ trong tương lai. Nếu không được trang bị cơ sở như vậy, nạn nhân có nguy cơ không nhận được những dịch vụ mà họ cần và xứng đáng được hưởng.

Định nghĩa hoặc diễn giải hẹp có thể được hiểu thành các chuẩn mực cao về bằng chứng.

Các cán bộ công an Việt Nam tham gia phỏng vấn nói rằng họ tìm kiếm các bằng chứng như "cưỡng bức" "trói chân và tay", "đánh" và "xé quần áo" để chứng minh sự hãm hiếp. Họ cũng chỉ ra rằng họ tìm những cách thức mà người bị tình nghi lợi dụng để làm mất khả năng chống cự của nạn nhân, đó là tình trạng ốm yếu, hoặc bị bệnh tâm thần, hay sử dụng thuốc gây mê hoặc thuốc ngủ để ngăn cản sự chống trả của nạn nhân mặc dù họ thừa nhận rằng các hành vi như vậy nhiều khi rất khó chứng minh.

Các điều tra viên, công tố viên và thẩm phán với kinh nghiệm và hiểu biết hạn chế về sự đa dạng và phức tạp của bạo lực tình dục, nên công tác phục vụ của họ thiếu đầy đủ và có các quyết định chưa phù hợp...

Việc thiếu các đơn vị điều tra và các tòa án chuyên biệt có thể dẫn tới tình trạng thiếu chuyên môn trong các cơ quan tư pháp hình sự khi giải quyết các vụ việc bạo lực tình dục một cách nhạy cảm và có hiệu quả.

Ví dụ các câu hỏi mà 15 nữ cán bộ điều tra đã hỏi bao gồm những câu hỏi như sau: "Cô đã làm gì ở đó vào thời điểm đó? Lúc đó muộn rồi", "Tại sao từ ban đầu cô lại đi với anh ta (thủ phạm)?", "Cô mặc gì khi vụ việc xảy ra?", "Sao cô không hét lên hay chống cự?", và "Cô có chắc là không cho anh ta thấy dấu hiệu nào là cô có thích thú với việc đó không?"

Cách định nghĩa về các tội danh liên quan đến tình dục có thể làm chuyển sự chú ý sang hành vi của nạn nhân thay vì hành động của bị cáo.

Việc nhận hối lộ của các cán bộ tư pháp hình sự có thể khiến nạn nhân bị lờ đi hoặc bị tạo áp lực để giải quyết vụ việc bên ngoài hệ thống tư pháp hình sự.

Một người tham gia phỏng vấn tại Việt Nam nêu ví dụ về việc công tố viên đã nói với mẹ của nạn nhân rằng người phạm tội có "ô lớn" – ám chỉ tới việc người phạm tội đó được bảo vệ bởi người có chức tước cao. Họ cũng phát hiện ra là nghi phạm và/hoặc gia đình của anh ta có thể chạy án hoặc hối lộ công an hoặc các công tố viên để vụ việc không được giải quyết hoặc giảm cáo buộc (ví dụ như cáo buộc hiếp dâm trẻ em thành cáo buộc dâm ô trẻ em).

Các yếu tố pháp lý và tố tụng liên quan đến quy trình tố tụng hình sự và tác động đến việc bỏ cuộc

Ở hai quốc gia, việc bỏ cuộc diễn ra ở tất cả các giai đoạn của quy trình tố tụng hình sự - giai đoạn trình báo ban đầu, giai đoạn điều tra, giai đoạn trước khi xét xử, và giai đoạn xét xử. Mặc dù những hạn chế về số liệu định lượng có nghĩa là nghiên cứu không thể đưa ra kết luận cụ thể về tỷ lệ bỏ cuộc, nhưng bù lại thông tin định tính sẽ đưa ra những dấu hiệu cho thấy người ra quyết định và các yếu tố chính tác động đến việc tại sao các vụ việc không tiến triển được.

"...Rất khó để tôi giải thích với cảnh sát nam. Tôi bị đàn ông cưỡng hiếp và tôi phải kể lại cậu chuyện với đàn ông ư?"

- một nạn nhân nữ -

Giai đoạn trình báo ban đầu

Ở cả hai nước cảnh sát là người đầu tiên mà nạn nhân bị hiếp dâm tiếp xúc. Mặc dù có sự khác biệt về thủ tục và quy trình tố tụng, cảnh sát ở cả hai nước đều có trách nhiệm tiếp nhận trình báo ban đầu, tiến hành điều tra, và chuẩn bị cho quá trình buộc tội.

Yếu tố góp phần vào tình trạng bỏ cuộc:

- Không có cơ sở vật chất thân thiện với phụ nữ hoặc nạn nhân
- Cán bộ tiếp nhận tin báo đối xử kém hoặc thiếu tế nhị
- Gánh nặng trình báo chính thức là của nạn nhân
- Loại bỏ vai trò của nạn nhân thông qua việc không cho phép nạn nhân ra quyết định (trình báo là điều kiện bắt buộc)
- Thời gian chờ đợi quá dài
- Kể lại câu chuyện nhiều lần
- Quy định ngặt nghèo về thời hạn trình báo
- Không có khả năng tiếp cận các biện pháp bảo vệ tức thì, cấp thiết hoặc lâu dài
- Không có đánh giá rủi ro hay lập kế hoạch an toàn để xây dựng các quy trình lồng ghép và mạng lưới chuyển gửi
- Nạn nhân nhận được sự thờ ơ và được yêu cầu hòa giải hoặc các hình thức giải quyết khác bên ngoài hệ thống tư pháp hình sự chính thức

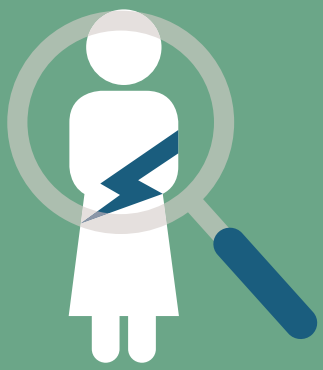

Giai đoạn điều tra

Công an, cán bộ điều tra hình sự và các công tố viên đều có thể tham gia vào công tác điều tra. Tại Thái Lan, cảnh sát tiến hành điều tra sau khi nạn nhân ký đơn khiếu nại. Tại Việt Nam, các cuộc điều tra chính thức cần phải có quyết định điều tra hình sự do Viện kiểm sát phê chuẩn.

Yếu tố góp phần vào tình trạng bỏ cuộc:

- Bắt buộc giám định pháp y động chạm tới người nạn nhân
- Các cuộc điều tra kéo dài
- Điều tra sơ sài hoặc điều tra không đầy đủ

"...Tôi có thể dễ dàng tổng hợp những kinh nghiệm của tôi trong giai đoạn truy tố bằng ba từ: "Tôi không hiểu". Tôi không hiểu luật pháp, tôi không hiểu tại sao phải mất nhiều thời gian và tôi không hiểu ngôn ngữ được sử dụng trong các văn bản của văn phòng công tố. Tất nhiên tôi cảm thấy muốn bỏ cuộc và quên đi mọi thứ."

- một nạn nhân nữ -

Giai đoạn trước khi xét xử

Giai đoạn trước khi xét xử trong tiến trình tư pháp hình sự chú trọng vào những vụ việc đã được cơ quan điều tra chuyển cho cơ quan công tố ở Thái Lan hoặc Viện kiểm sát ở Việt Nam. Cả hai cơ quan này sẽ lựa chọn hoặc phê chuẩn những cáo buộc thích hợp hoặc đưa ra bản cáo trạng và xem xét trước khi đưa ra xét xử trước tòa. Tại Thái Lan, việc này được thực hiện bởi một thẩm phán sơ thẩm và tại Việt Nam do một thẩm phán được chỉ định.

Yếu tố góp phần vào tình trạng bỏ cuộc:

- Không ưu tiên các vụ việc bạo lực tình dục
- Quy trình tố tụng cho phép trì hoãn xét xử
- Giới hạn thời gian cho công tố viên ra quyết định trước khi thu thập đủ các bằng chứng
- Ép buộc hòa giải, giải quyết tranh chấp thay thế trong trường hợp liên quan đến bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái
- Thiếu các biện pháp bảo vệ hiệu quả
- Giảm mức độ nghiêm trọng của tội danh

Giai đoạn xét xử

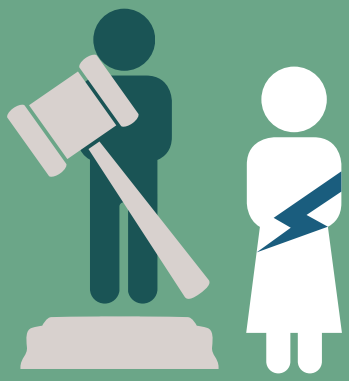

Việc bỏ cuộc ở giai đoạn này liên quan đến những trường hợp: tòa tuyên bị cáo trắng án; bị cáo bỏ trốn trước khi xét xử và công tố viên quyết định đình chỉ vụ án; nạn nhân quyết định rút đơn khiếu kiện, hoặc rút lại lời khai của mình; hoặc khi nạn nhân từ chối hợp tác vì bất cứ lý do nào, chẳng hạn như có sự dàn xếp không chính thức.

Yếu tố góp phần vào tình trạng bỏ cuộc:

- Yêu cầu chứng thực bằng chứng
- Các quy tắc về bằng chứng mà yêu cầu nạn nhân phải chứng minh được rằng mình đã chống cự lại kẻ phạm tội
- Các phán quyết dựa trên những kết luận bất lợi (yêu cầu những khiếu nại gần đây)
- Cho phép chất vấn một cách thô bạo với nạn nhân tại tòa
- Để xảy ra các tình huống mà nạn nhân có thể bị đe dọa bởi bị cáo và/hoặc gia đình của bị cáo tại Toà án

Các khuyến nghị

Các phát hiện của nghiên cứu đưa ra giúp làm rõ nét về những yếu tố góp phần vào việc gia tăng tình trạng bỏ cuộc của các vụ việc bạo lực tình dục trong hệ thống tư pháp hình sự và những yếu tố có thể làm giảm tình trạng đó ở hai quốc gia Châu Á này. Nghiên cứu này nhằm hỗ trợ việc xây dựng và thực hiện luật pháp, chính sách, quy trình, thủ tục, chương trình và thực tiễn về tư pháp hình sự đối với các nước trong khu vực và đặc biệt phù hợp với các nước thuộc đối tượng nghiên cứu là Thái Lan và Việt Nam.

Đây là nghiên cứu so sánh đầu tiên về tình trạng bỏ cuộc của các vụ việc bạo lực tình dục được báo cáo tại Châu Á, và đồng thời cũng là các nghiên cứu đầu tiên của Thái Lan và Việt Nam về vấn đề này. Mặc dù có những thách thức trong quá trình thực hiện các phương pháp nghiên cứu như đã định, nhưng nghiên cứu này đã góp phần làm tăng hiểu biết về việc ban hành chính sách và việc tố tụng các vụ việc liên quan tới bạo lực tình dục cũng như tác động có thể có từ cách thức giải quyết các vụ việc của hệ thống tư pháp hình sự đối với phụ nữ là nạn nhân bị hiếp dâm và bóc lột tình dục.

Bạo lực tình dục là một hiện tượng rất phức tạp có nguyên nhân sâu xa từ sự phân biệt đối xử trên cơ sở giới và bất bình đẳng giới lâu dài trong lịch sử, những nguyên nhân không thể chỉ được giải quyết bởi mỗi hệ thống tư pháp hình sự. Một biện pháp ứng phó tư pháp toàn diện và đa ngành trong đó coi nạn nhân là trung tâm của quá trình giải quyết và đảm bảo trách nhiệm giải trình của kẻ phạm tội là một phần thiết yếu trong việc phòng ngừa và giải quyết sự tồn tại dai dẳng của tình trạng không trừng phạt tội phạm bạo lực tình dục.

Các khuyến nghị được đưa ra ở phần này nhằm hỗ trợ các quốc gia trong việc thực hiện các cam kết chính sách ở cấp quốc gia và quốc tế trong việc thực thi quyền con người của phụ nữ và chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ thông qua tăng cường năng lực cho các quốc gia nhằm nghiêm túc thực hiện công tác phòng ngừa, điều tra và truy tố những vụ việc bạo lực tình dục.

Ảnh: UN Women/Krista Seddon

Dưới đây là tóm tắt những khuyến nghị chính của nghiên cứu. Bản báo cáo đầy đủ cung cấp những lựa chọn và ví dụ cụ thể để thực hiện mỗi khuyến nghị này.

1. Thiết lập các dịch vụ tư pháp thiết yếu có chất lượng dành cho nạn nhân, ưu tiên đảm bảo an toàn, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân.

Phụ nữ và trẻ em gái phải đối mặt với nhiều rào cản trong việc trình báo về bạo lực tình dục cũng như trong suốt quá trình theo đuổi vụ án. Ví dụ, nhiều nạn nhân báo cáo là họ bị đối xử thiếu tôn trọng và thiếu tế nhị, nạn nhân phải kể lại câu chuyện của họ nhiều lần, đơn trình báo bị từ chối hoặc cho dù đơn trình báo được nhận, nhưng vụ việc lại không được tiến hành điều tra hoặc bị trì hoãn điều tra, hoặc cảnh sát khuyến khích hòa giải hay bồi thường. Những lỗ hổng trọng yếu trong quá trình cung cấp các dịch vụ tư pháp lấy nạn nhân làm trung tâm được phát hiện ở tất cả các giai đoạn của hệ thống tư pháp hình sự. Cần xây dựng và cung cấp dịch vụ tư pháp cụ thể có chất lượng nhằm giải quyết rào cản mà nạn nhân gặp phải khi tham gia vào quá trình tố tụng hình sự: khắc phục sự thiếu gắn kết của nạn nhân; giảm tỷ lệ bỏ cuộc của các vụ bạo lực tình dục; và tăng cường khả năng ứng phó của tư pháp hình sự đối với bạo lực tình dục.

2. Xây dựng năng lực của các cơ quan ban ngành nhằm thay đổi văn hóa tổ chức, nâng cao nhận thức và nhạy cảm giới.

Ở cả hai quốc gia, phụ nữ nạn nhân cho biết họ đều đã từng bị đổ lỗi, coi thường và phân biệt đối xử bởi các nhân viên tư pháp hình sự. Phần lớn các cán bộ làm công tác tư pháp hình sự được phỏng vấn cho thấy có định kiến và quan niệm khuôn mẫu giới. Nhiều người còn đưa ra những ý tưởng cụ thể về việc một "nạn nhân thật sự" thì nên hành xử như thế nào, và nếu nạn nhân không cư xử như vậy thì vụ án có thể sẽ sẽ không được thụ lý.

3. Cải thiện khung pháp lý và chính sách toàn diện.

Nhiều yếu tố pháp lý góp phần ảnh hưởng tới tình trạng bỏ cuộc của các vụ án bạo lực tình dục ở cả hai nước, bao gồm: hạn chế về các hành vi bị cấm ở Việt Nam; sự phụ thuộc vào các định nghĩa cứng nhắc ở Việt Nam và Thái Lan; và các ảnh hưởng pháp lý về phân loại các hành vi chống lại người trưởng thành ở Thái Lan, chẳng hạn như quy định giới hạn về thời hạn để trình báo các vụ án hiếp dâm. Hơn nữa, các thủ tục tố tụng hình sự không nhạy cảm về giới và đẩy gánh nặng trách nhiệm cho nạn nhân, như yêu cầu nạn nhân phải nộp đơn khiếu nại mới tiến hành các thủ tục điều tra hoặc cho phép hòa giải bên ngoài hệ thống tư pháp hình sự, là những yếu tố góp phần vào tình trạng bỏ cuộc. Phụ nữ và trẻ em gái có hiểu biết và tiếp cận hạn chế với thông tin về các quyền của họ và về những gì họ có thể và những gì họ cần mong đợi ở hệ thống tư pháp hình sự.

4. Đảm bảo các phương pháp tiếp cận nhạy cảm đối với nạn nhân của bạo lực tình dục được thể hiện trong các chính sách, thực tiễn và nguồn lực về tư pháp hình sự.

Nam giới chiếm số đông trong các cơ quan tư pháp hình sự, điều này làm thúc đẩy văn hoá tổ chức mang đậm nét định kiến và thái độ tiêu cực đã bị ngấm sâu vào quy trình thủ tục và thực hành. Tình trạng phân biệt đối xử với nạn nhân/người trải qua bạo lực tình dục đã thể hiện rõ trong quá trình điều tra và xét xử của tòa án. Có những tình huống mà các quy trình tố tụng lại dựa trên các giả định về khuôn mẫu giới, cho dù các luật hiện hành không hàm chứa sự phân biệt đối xử như vậy. Trong những trường hợp đó, các quyết định của cảnh sát và cơ quan tư pháp thường lại dựa theo quy chuẩn phân biệt đối xử về giới hơn là dựa trên những suy xét về bằng chứng hiện có, và vì thế các quyết định đó đã vi phạm quyền của nạn nhân/người trải qua bạo lực tình dục.[13]

13. Tỷ lệ bỏ cuộc trong các vụ việc hiếp dâm được báo cáo ở Châu Âu. Phòng nghiên cứu về lạm dụng phụ nữ và trẻ em, Đại Học Metropolitan London

5. Xây dựng cơ chế giám sát và trách nhiệm giải trình nội bộ và bên ngoài hiệu quả.

Có rất ít cơ hội tìm kiếm công lý cho những nạn nhân tin rằng các nhà cung cấp dịch vụ tư pháp đã giải quyết sai hoặc phân biệt đối xử với họ. Mặc dù có bằng chứng cho thấy có một số thủ tục nội bộ về trách nhiệm giải trình, nhưng vẫn thiếu cơ chế giám sát và trách nhiệm giải trình bên ngoài và độc lập.

6. Nâng cao chuyên môn ở tất cả các giai đoạn của hệ thống tư pháp hình sự.

Các nhà cung cấp dịch vụ tư pháp hình sự cần được đào tạo và chuyên môn hoá trong xử lý các vụ việc bạo lực tình dục. Thái Lan không có các đơn vị điều tra chuyên biệt về bạo lực tình dục, nhưng năm 2009 Học viện Cảnh sát Hoàng Gia đã bắt đầu nhận nữ sinh vào học để đáp ứng yêu cầu tăng số lượng nữ cảnh sát điều tra đối với tội phạm chống lại phụ nữ và trẻ em, đồng thời Trung tâm Bảo vệ Gia đình, Phụ nữ và Trẻ em và chống buôn bán người thuộc Trung tâm Cảnh sát Hoàng gia Thái Lan được thành lập vào năm 2012.

7. Thúc đẩy các biện pháp ứng phó của các cơ quan tư pháp hình sự, các cơ quan chính phủ và xã hội dân sự có lồng ghép và được điều phối.

Nghiên cứu cho thấy các cơ quan tư pháp hình sự khác nhau thường làm việc tách biệt không có quy chế và thông lệ rõ ràng về chia sẻ thông tin cũng như hướng chuyển tuyến/chuyển gửi giữa các cơ quan tư pháp hình sự với nhau hoặc với các cơ quan ngoài ngành tư pháp như các cơ quan y tế và phúc lợi xã hội. Gánh nặng của việc đấu tranh chống lại việc không trừng phạt bạo lực tình dục phải được chuyển từ phía nạn nhân sang các cơ quan tư pháp hình sự. Do mỗi cơ quan có nhiệm vụ khác nhau, công tác ứng phó có điều phối là hết sức cần thiết nhằm thay đổi cách thức mà toàn bộ hệ thống tư pháp hình sự thường thực hiện khi giải quyết bạo lực tình dục.

8. Xây dựng cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả.

Cả hai nước đều có những hạn chế về số lượng và chất lượng các dữ liệu hình sự về tội phạm bạo lực tình dục được công bố để công chúng và các cơ quan tư pháp hình sự khác sử dụng. Ở cả hai nước, các nhóm nghiên cứu gặp phải những thách thức trong việc tiếp cận thông tin về cách thức các vụ việc được lập hồ sơ, theo dõi trong toàn hệ thống và việc đóng hồ sơ. Lý do là không có sự chấp thuận chính thức để truy cập tất cả các hồ sơ của cảnh sát, của cơ quan truy tố và của tòa án. Ngoài ra, các nhà nghiên cứu nhận thấy có sự không nhất quán trong việc lưu giữ hồ sơ và hoàn thiện hồ sơ. Cả hai quốc gia đều thu thập dữ liệu thống kê về bạo lực tình dục chưa được thực hiện thường xuyên và chưa có hệ thống (không có các cuộc điều tra về tình trạng nạn nhân hóa) và ít thông tin về thiệt hại kinh tế và tác động của bạo lực tình dục.

9. Ưu tiên các nguồn lực, bao gồm cả nhân lực và tài chính.

Ở cả hai quốc gia, nguồn lực dường như khá hạn chế để có thể xây dựng và duy trì năng lực cũng như năng lực còn hạn chế trong việc cung cấp các dịch vụ tư pháp thiết yếu có chất lượng để có thể ứng phó một cách hiệu quả tình trạng bạo lực tình dục đối với phụ nữ.

Các cơ quan đầu mối giúp thay đổi

Nghiên cứu cũng xác định các cơ quan đầu mối cụ thể sẽ giúp thay đổi trong các ngành then chốt. Dưới đây là một số ví dụ về các cơ quan chính sách và chương trình mà có thể gây ảnh hưởng đến những thay đổi tích cực trong các khâu cụ thể của quá trình tư pháp hình sự.

Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan khác có trách nhiệm trong việc sửa đổi luật

- Sửa đổi luật Hình sự nhằm đảm bảo hình sự hóa tất cả các hành vi tình dục mà không có sự đồng thuận của phụ nữ, phản ánh thực tế mà nạn nhân phải trải qua, bao gồm cả hiếp dâm trong hôn nhân.
- Rà soát Luật tố tụng hình sự và các quy tắc bằng chứng để loại bỏ tình trạng phân biệt đối xử và thúc đẩy phương pháp tiếp cận lấy nạn nhân làm trung tâm.
- Xây dựng năng lực cho các nhà lập pháp nhằm đảm bảo luật pháp được xây dựng có trách nhiệm giới.

Ngành hành pháp

- Có chính sách nhằm tăng quyền năng và trang bị cho cảnh sát để họ có thể ứng phó kịp thời và hiệu quả đối với các vụ việc của bạo lực tình dục và bảo vệ nạn nhân.
- Có quy trình và hướng dẫn toàn diện nhằm thúc đẩy cách tiếp cận nhất quán có nhạy cảm giới để xử lý và điều tra các trường hợp bạo lực tình dục.
- Việc đào tạo được lồng ghép trong các cơ quan, ban ngành bắt đầu với học viện cảnh sát và được hỗ trợ bởi các quy trình, phương pháp đã được đề cập ở trên.
- Có đơn vị đặc biệt bao gồm các chuyên gia đa ngành như chuyên gia pháp y, nhân viên chăm sóc sức khoẻ, nhân viên xã hội, nhân viên tư vấn, v.v..
- Có chính sách thúc đẩy sự cam kết của cơ quan cấp cao và sự lãnh đạo trong việc cung cấp các dịch vụ lấy nạn nhân làm trung tâm.

Công tác tố tụng

- Các chính sách trước tố tụng nhằm thúc đẩy việc tăng quyền năng cho các nạn nhân trong quá trình ra quyết định của cơ quan công tố và trong đó có cả quy trình thủ tục giám sát.
- Xây dựng năng lực cho công tố viên để họ có thể ứng phó một cách hiệu quả các vụ việc bạo lực tình dục, đồng thời lồng ghép nội dung tập huấn trong các trường luật hoặc các trường chuyên ngành về tố tụng.

Tư pháp và Tòa án

- Tập huấn cho các thẩm phán để loại bỏ các khuôn mẫu pháp lý và cách ứng dụng các quy tắc bằng chứng có nhạy cảm giới và không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào.
- Có các chính sách nhằm hỗ trợ môi trường phòng xử án thân thiện với nạn nhân.
- Có tòa án đặc biệt với công tố viên chuyên trách xét xử các vụ việc bạo lực tình dục, hoặc các thẩm phán hỗ trợ riêng biệt cho các nạn nhân.

Các dịch vụ pháp y

- Đào tạo chuyên gia pháp y để đảm bảo rằng việc thu thập các bằng chứng y tế và pháp y được thực hiện nhưng không gián tiếp làm cho nạn nhân trở thành nạn nhân thêm một lần nữa, và hiểu được điểm mạnh và hạn chế của những bằng chứng này.
- Có nguyên tắc giám định pháp y đối với vụ việc tấn công tình dục theo hướng dẫn của WHO.
- Có các trung tâm đặc biệt chăm sóc và điều trị cho các nạn nhân bị tấn công tình dục, hỗ trợ thúc đẩy các mạng lưới rộng rãi của các cơ quan làm có trách nhiệm làm việc với nạn nhân bị bạo lực tình dục.

Các cơ chế, chương trình trợ giúp pháp lý và gắn kết sự tham gia của các hiệp hội và công ty luật sư

- Mở rộng tính hợp lệ của trợ giúp pháp lý hiện có để bao gồm cả nạn nhân của bạo lực tình dục.
- Hợp tác với các hiệp hội luật để thúc đẩy tính đại diện pháp lý và hỗ trợ pháp lý miễn phí cho nạn nhân.

Các dịch vụ xã hội và hỗ trợ nạn nhân

- Có sự hợp tác giữa các cơ quan tư pháp hình sự, các dịch vụ xã hội và các cơ quan hỗ trợ nạn nhân.
- Tài trợ và đào tạo cho các tổ chức xã hội dân sự nhằm có được các chuyên gia và/hoặc các tình nguyện viên được đào tạo để hỗ trợ cho các nạn nhân trước, trong và sau quá trình tố tụng hình sự.
- Xác định và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức đang cung cấp dịch vụ và hỗ trợ cho nạn nhân.
- Xác định, hỗ trợ và đầu tư cho các cơ quan và tổ chức địa phương có khả năng tiếp cận và ảnh hưởng đến các nhà ra quyết định trong việc phát triển các dịch vụ và thực hành hiệu quả và có chất lượng cao.

Empowered lives.
Resilient nations.

Văn phòng khu vực Châu Á Thái Bình Dương
Tòa nhà UN, tầng 5
Đại lộ Rajdamnern Nok
Băng Cốc 10200, Thái Lan
Website: www.asiapacific.unwomen.org

Khu vực trung tâm Băng Cốc
Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
Tầng 3, tòa nhà dịch vụ Liên Hợp Quốc
Đại lộ Rajdamnern Nok
Băng Cốc 10200, Thái Lan
Website: www.asia-pacific.undp.org

Văn phòng khu vực Châu Á Thái Bình Dương
Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc
Tầng 3, tòa nhà Liên Hợp Quốc
Đại lộ Rajdamnern Nok
Băng Cốc 10200, Thái Lan
Website: www.unodc.org/southeastasiaandpacific